

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

## MỤC LỤC

---

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 31/12/2011 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Mê Kông Hoàng Long
- Công ty CP Thanh Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyên nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Năm	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 30 tháng 01 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**



Số: 12.118/BCKT-2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 30 kèm theo. Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2012

  
**K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
**D.T.L.**  
**TẶNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
  
**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>413.948.663.666</b>	<b>212.140.201.648</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>3.282.687.395</b>	<b>1.284.540.536</b>
1. Tiền	111		3.282.687.395	1.284.540.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>375.286.745.194</b>	<b>168.024.521.626</b>
1. Phải thu khách hàng	131		37.311.597.000	40.388.844.503
2. Trả trước cho người bán	132		136.140.000	2.581.642.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		338.984.897.879	126.199.924.508
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.145.889.685)	(1.145.889.685)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>35.157.358.370</b>	<b>41.775.431.858</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	35.157.358.370	41.775.431.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>221.872.707</b>	<b>1.055.707.628</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	21.929.583	62.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	722.517.911
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.500.000	1.500.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	198.443.124	269.189.717

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>635.554.281.526</b>	<b>636.288.700.798</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.600.052.494</b>	<b>27.190.434.155</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	14.886.787.334	17.379.108.991
- Nguyên giá	222		29.868.256.695	29.146.101.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.981.469.361)	(11.766.992.886)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	4.832.833.314	4.939.833.318
- Nguyên giá	228		5.360.300.000	5.360.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(527.466.686)	(420.466.682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	4.880.431.846	4.871.491.846
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	5.10	<b>24.144.398.391</b>	<b>24.756.238.011</b>
- Nguyên giá	241		26.420.882.816	26.420.882.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.276.484.425)	(1.664.644.805)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>583.270.016.449</b>	<b>580.774.657.433</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		449.416.908.010	447.912.527.010
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		133.005.000.000	132.900.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.875.000.000	964.747.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.026.891.561)	(1.002.616.577)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.539.814.192</b>	<b>3.567.371.199</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	29.778.523	82.896.805
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.13	3.510.035.669	3.484.474.394
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.049.502.945.192</b>	<b>848.428.902.446</b>



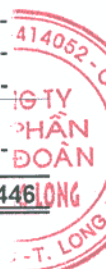
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>506.804.046.037</b>	<b>332.321.167.279</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>495.936.481.127</b>	<b>297.774.657.769</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	345.464.448.057	161.410.256.280
2. Phải trả người bán	312	5.15	14.715.135.187	14.291.757.911
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	2.761.184.112	2.466.644.371
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	5.544.438.552	2.398.027.838
5. Phải trả người lao động	315	5.17	728.586.617	753.143.797
6. Chi phí phải trả	316	5.18	22.262.435.030	18.934.840.725
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.19	91.051.547.141	85.622.167.013
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.408.706.431	11.897.819.834
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.867.564.910</b>	<b>34.546.509.510</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.20	656.898.000	656.898.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	13.826.431.871
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.21	10.210.666.910	20.063.179.639
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>542.698.899.155</b>	<b>516.107.735.167</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.22	<b>542.698.899.155</b>	<b>516.107.735.167</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.482.223.295	14.364.348.663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.312.511.004	12.618.211.299
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.376.512.290	952.937.364
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		74.273.802.566	51.918.387.841
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.049.502.945.192</b>	<b>848.428.902.446</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :		-	-
+ USD		99.934,98	3.574,30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ TRÚC**

Long An, ngày 07 tháng 01 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	150.620.424.982	87.506.528.697
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.1	31.949.739.869	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		118.670.685.113	87.506.528.697
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	122.200.712.950	49.789.862.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(3.530.027.837)	37.716.666.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	149.423.867.247	66.732.053.104
7. Chi phí tài chính	22	6.4	66.675.855.097	22.143.116.076
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		31.955.812.725	12.716.482.127
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	823.249.351	2.369.333.022
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	19.859.368.768	20.114.378.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		58.535.366.194	59.821.891.978
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.780.047.030	10.417.552.869
12. Chi phí khác	32	6.8	1.769.107	1.072.689.973
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.778.277.923	9.344.862.896
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		61.313.644.117	69.166.754.874
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	3.866.124.067	7.960.423.242
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(25.561.275)	(617.378.218)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		57.473.081.325	61.823.709.850

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 07 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61.313.644.117	69.166.754.874
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.952.769.599	4.113.641.158
Các khoản dự phòng	03		24.274.984	445.822.469
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(195.926.339)	(4.758.767.213)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(132.203.847.544)	(61.857.555.164)
Chi phí lãi vay	06		31.955.812.725	12.716.482.127
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>(35.153.272.458)</b>	<b>19.826.378.251</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(543.558.699.068)	42.676.457.545
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.618.073.488	15.140.757.565
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(35.216.074.476)	(35.480.949.369)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		93.688.699	241.375.421
Tiền lãi vay đã trả	13		(27.297.363.619)	(11.709.077.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(30.852.696.619)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3.629.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.621.887.740)	(998.813.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(636.135.535.174)</b>	<b>2.472.432.416</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(752.316.818)	(2.747.319.880)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.420.495.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(104.405.112.273)	(139.922.112.529)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		540.856.885.150	48.679.200.914
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.519.634.000)	(11.957.549.910)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	902.342.950
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.818.021.896	1.022.188.939
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>465.997.843.955</b>	<b>(102.602.754.516)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		737.118.604.191	579.225.259.321
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(537.893.725.108)	(441.764.256.656)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.069.743.000)	(49.691.270.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>172.155.136.083</b>	<b>87.769.732.465</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.017.444.864</b>	<b>(12.360.589.635)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.284.540.536</b>	<b>13.642.069.559</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19.298.005)	3.060.612
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3.282.687.395</b>	<b>1.284.540.536</b>

Long An, ngày 07 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC



PHẠM PHÚC TOẠI



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long ( dưới đây gọi tắt là " Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 31/12/2011 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Hoàng Long Mê Kông.
- Công ty CP Thanh Mỹ

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cử tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 -25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 -08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 -10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 -05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

#### **4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

#### **4.10. Thuế**

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **4.11. Công cụ tài chính**

- Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

#### **4.12. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	141.090.588	24.171.164
Tiền gửi ngân hàng	3.141.596.807	1.260.369.372
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.282.687.395</b>	<b>1.284.540.536</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	37.311.597.000	40.388.844.503
Trả trước cho người bán	136.140.000	2.581.642.300
Các khoản phải thu khác	338.984.897.879	126.199.924.508
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>376.432.634.879</b>	<b>169.170.411.311</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.145.889.685)	(1.145.889.685)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>375.286.745.194</b>	<b>168.024.521.626</b>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu hoạt động thương mại	6.654.771.512	4.042.637.183
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	30.656.825.488	36.346.207.320
<b>Cộng</b>	<b>37.311.597.000</b>	<b>40.388.844.503</b>

Các khoản ứng trước cho người bán được chi tiết như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước tiền nhập khẩu nguyên vật liệu	-	-
Trả trước cho hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu chế biến thủy sản ( tương đương 129.500 USD)	-	2.451.694.000
Các khoản trả trước khác	136.140.000	129.948.300
<b>Cộng</b>	<b>136.140.000</b>	<b>2.581.642.300</b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu nội bộ các công ty con và công ty liên kết - xem mục 7	332.958.159.841	118.091.929.856
Phải thu tiền cho Công ty Tấn Điền vay	1.580.849.571	5.982.546.254
Phải thu tiền cho Công ty Đồng Tâm vay	1.000.000.000	-
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.236.268.237	1.227.774.537
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 7	542.000.000	-
Thuế VAT hàng nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	665.388.869	-
Các khoản phải thu khác	1.002.231.361	897.673.861
<b>Cộng</b>	<b>338.984.897.879</b>	<b>126.199.924.508</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được chi tiết như sau :

Tên đối tượng	Số dư nợ	Tỷ lệ dự phòng	Số dự phòng
Cù Lê Bảo Trị	85.500.000	100%	85.500.000
Mai Tiến Dũng	150.000.000	100%	150.000.000
Nguyễn Phước Hòa	600.000.000	100%	600.000.000
DNTN Thúy Hằng	199.998.835	100%	199.998.835
Hộ kinh doanh Đặng Văn Mỹ	88.000.000	100%	88.000.000
Cơ sở Phạm Ái	22.390.850	100%	22.390.850
<b>Cộng</b>	<b>1.145.889.685</b>		<b>1.145.889.685</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.460.793.103	1.026.188.046
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.693.068.810	11.939.988.955
Thành phẩm	845.605.218	1.091.402.840
Hàng hóa	27.157.891.239	27.717.852.017
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>35.157.358.370</b>	<b>41.775.431.858</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>35.157.358.370</b>	<b>41.775.431.858</b>

Số dư hàng hóa tồn kho cuối năm là chi phí đã đầu tư cho khu dân cư Long Kim 2.

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

**5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế môn bài nộp thừa	1.500.000	1.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>1.500.000</b>

**5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	198.443.124	269.189.717
<b>Tổng cộng</b>	<b>198.443.124</b>	<b>269.189.717</b>

(Phần tiếp theo ở trang 17)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	9.175.254.924	2.897.350.606	14.010.372.222	2.637.524.125	425.600.000	29.146.101.877
Tăng	-	73.700.000	652.221.818	17.455.000	-	743.376.818
Thanh lý	-	-	-	(21.222.000)	-	(21.222.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.175.254.924</b>	<b>2.971.050.606</b>	<b>14.662.594.040</b>	<b>2.633.757.125</b>	<b>425.600.000</b>	<b>29.868.256.695</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.600.329.017	1.440.317.967	6.125.103.044	2.179.184.529	422.058.329	11.766.992.886
Khấu hao trong năm	507.086.953	510.424.750	1.874.502.985	338.373.616	3.541.671	3.233.929.975
Thanh lý	-	-	-	(19.453.500)	-	(19.453.500)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.107.415.970</b>	<b>1.950.742.717</b>	<b>7.999.606.029</b>	<b>2.498.104.644</b>	<b>425.600.000</b>	<b>14.981.469.361</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	7.574.925.907	1.457.032.639	7.885.269.178	458.339.596	3.541.671	17.379.108.991
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.067.838.954</b>	<b>1.020.307.889</b>	<b>6.662.988.011</b>	<b>135.652.481</b>	<b>-</b>	<b>14.886.787.334</b>

- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.359.375.313 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.350.000.000</b>	<b>10.300.000</b>	<b>5.360.300.000</b>
<b>Hao mòn</b>			
Số dư đầu năm	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Khấu hao trong năm	107.000.004	-	107.000.004
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>517.166.686</b>	<b>10.300.000</b>	<b>527.466.686</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.939.833.318	-	4.939.833.318
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.832.833.314</b>	<b>-</b>	<b>4.832.833.314</b>

Trong đó :

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 10.300.000 đồng

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm thiết bị của hệ thống nước thải Long Cang	173.218.403	173.218.403
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	79.040.000	79.040.000
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.619.233.443
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.880.431.846</b>	<b>4.871.491.846</b>

**5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà An Dương Vương	Nhà kho	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.340.160.000</b>	<b>5.579.200.706</b>	<b>3.501.522.110</b>	<b>26.420.882.816</b>
<b>Hao mòn</b>				
Số dư đầu năm	-	954.783.463	709.861.342	1.664.644.805
Tăng trong năm	-	278.960.040	332.879.580	611.839.620
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.233.743.503</b>	<b>1.042.740.922</b>	<b>2.276.484.425</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	17.340.160.000	4.624.417.243	2.791.660.768	24.756.238.011
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>17.340.160.000</b>	<b>4.345.457.203</b>	<b>2.458.781.188</b>	<b>24.144.398.391</b>

Giá trị còn lại tài sản thế chấp ngân hàng để đảm bảo khoản vay : 21.685.617.203 đồng (xem mục 5.14)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	449.416.908.010	447.912.527.010
Đầu tư vào công ty liên kết	133.005.000.000	132.900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.875.000.000	964.747.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>584.296.908.010</b>	<b>581.777.274.010</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.026.891.561)	(1.002.616.577)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>583.270.016.449</b>	<b>580.774.657.433</b>

Danh sách các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại	Vốn góp đến 31/12/2011	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Con	30.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản	Con	85.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Con	150.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn	Con	70.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Con	100.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Con	10.000.000.000	100%
Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Con	4.416.908.010	55%
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Liên kết	133.005.000.000	30%
Công ty CP Thanh Mỹ	Khác	1.875.000.000	5%
<b>Cộng</b>		<b>584.296.908.010</b>	

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng cho khoản lỗ lũy kế vào công ty liên kết Thanh Thy.

### 5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng CN TP.HCM	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	29.778.523	82.896.805
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.778.523</b>	<b>82.896.805</b>

### 5.13. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời từ chi phí trích trước cho khu đất Long Kim 2	3.510.035.669	3.484.474.394
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.510.035.669</b>	<b>3.484.474.394</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14. Vay ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	345.464.448.057	161.410.256.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>345.464.448.057</b>	<b>161.410.256.280</b>

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 7.6%/ năm đến 9.5%/năm đối với USD, 19,5%/năm đối với VNĐ và được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau :

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011 – xem mục 5.10.
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 390.212.349.000 đồng.

**5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	14.715.135.187	14.291.757.911
Người mua trả tiền trước	2.761.184.112	2.466.644.371
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.476.319.299</b>	<b>16.758.402.282</b>

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù, giải tỏa cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Long An	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi cho công ty Chia Tung ( tương đương 380.000 USD)	7.914.640.000	7.194.160.000
Phải trả chi phí quảng cáo cho Trung Tâm Xúc Tiến TM và ĐT Đồng Tháp	-	800.000.000
Khác	1.093.083.187	590.185.911
<b>Cộng</b>	<b>14.715.135.187</b>	<b>14.291.757.911</b>

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	16.018.866	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	665.388.869	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.745.372.370	1.745.372.370
Thuế thu nhập cá nhân	20.471.481	20.005.550
Các khoản phí, lệ phí	3.097.186.966	632.649.918
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.544.438.552</b>	<b>2.398.027.838</b>

**5.17. Phải trả người lao động**

Là khoản phải trả lương tháng 12 và lương tháng 13 năm 2011.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.18. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước lãi vay	3.593.644.523	266.050.218
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí kiểm toán	155.000.000	155.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.262.435.030</b>	<b>18.934.840.725</b>

### 5.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	24.728.000	36.145.200
BHXH, BHYT, BHTN	41.758.500	-
Phải trả cho các công ty con (xem mục 7)	69.823.689.192	40.166.803.834
Phải trả tiền vay cho CTy Thanh Thy (xem mục 7)	19.475.443.935	24.557.443.935
Phải trả tiền vay cho Công ty An Thịnh	67.324.500	11.042.455.500
Phải trả tiền vay Công ty TNHH SX TM DV Kim Hoàng Long	761.583.752	-
Phải trả tiền mượn từ ông Phạm Phúc Toại (xem mục 7)	504.597.500	5.470.359.000
Phải trả tiền thu hộ cho ông Phan Thanh Vũ	152.779.255	4.333.689.580
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.642.507	15.269.964
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.051.547.141</b>	<b>85.622.167.013</b>

### 5.20. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền thuê kho từ công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long, thời gian 5 năm.

### 5.21. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền chuyển quyền sử dụng đất theo tiến độ trên hợp đồng	10.210.666.910	20.063.179.639
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.210.666.910</b>	<b>20.063.179.639</b>

### 5.22. Vốn chủ sở hữu

#### 5.22.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	27.347.420.860	88.297.430.179	506.544.111.039
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	61.823.709.850	61.823.709.850
Giảm khác	-	-	-	-	(1.187.539.056)	(1.187.539.056)
Trích quỹ	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.932)	(1.381.276.466)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>27.935.497.326</b>	<b>51.918.387.841</b>	<b>516.107.735.167</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	57.473.081.325	57.473.081.325
Trích quỹ	-	-	-	4.235.749.263	(8.047.923.600)	(3.812.174.337)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.069.743.000)	(27.069.743.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>32.171.246.589</b>	<b>74.273.802.566</b>	<b>542.698.899.155</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.22.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>443.753.850.000</b>

### 5.22.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	100.498.791.479	26.234.865.183
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất	30.767.548.569	50.732.192.605
Doanh thu hoạt động khác	19.354.084.934	10.539.470.909
Hàng bán bị trả lại	(31.949.739.869)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>118.670.685.113</b>	<b>87.506.528.697</b>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	102.411.815.591	25.314.786.787
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất	716.808.678	15.716.036.141
Giá vốn hoạt động khác	19.072.088.681	8.759.039.620
<b>Tổng cộng</b>	<b>122.200.712.950</b>	<b>49.789.862.548</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	95.686.975	1.022.188.939
Lợi nhuận chuyển từ các công ty con	99.387.594.148	51.986.209.469
Thu cổ tức	74.735.785	-
Chiết khấu thanh toán	795.397.038	-
Thu lãi cho vay từ các công ty con	37.659.958.143	8.396.261.681
Thu lãi từ giao dịch phái sinh hàng hóa	8.256.237.175	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.859.233.639	546.839.710
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	295.024.344	4.780.553.305
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.423.867.247</b>	<b>66.732.053.104</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	31.955.812.725	12.716.482.127
Lỗ do giao dịch phái sinh hàng hóa	13.268.596.182	-
Chiết khấu thanh toán	-	3.707.653.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.232.310.038	5.476.371.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	99.098.005	21.786.092
Dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	24.274.984	220.822.469
Khác	95.763.163	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.675.855.097</b>	<b>22.143.116.076</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	35.782.258	1.373.180.086
Chi phí DV mua ngoài	8.200.000	996.152.936
Chi phí bằng tiền khác	779.267.093	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>823.249.351</b>	<b>2.369.333.022</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.014.655.880	7.839.998.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	112.423.426	354.039.964
Chi phí khấu hao	3.098.249.932	3.276.160.161
Thuế, phí và lệ phí	348.910.895	440.493.431
Chi phí DV mua ngoài	2.162.329.582	253.373.247
Chi phí bằng tiền khác	8.122.799.053	7.950.313.297
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.859.368.768</b>	<b>20.114.378.177</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phí đo đạc	72.287.731	71.421.371
Thu thanh lý tài sản cố định	-	1.420.495.000
Thu bồi thường do không thực hiện hợp đồng	1.651.367.869	6.689.539.216
Thu lãi trả chậm	999.927.114	2.225.025.019
Thu nhập khác	56.464.316	11.072.263
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.780.047.030</b>	<b>10.417.552.869</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.768.500	967.599.925
Chi phí khác	607	105.090.048
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.769.107</b>	<b>1.072.689.973</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Chuyển quyền sử dụng đất	Hoạt động khác	Cộng
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>629.100.939</b>	<b>60.684.543.178</b>	<b>61.313.644.117</b>
Các khoản điều chỉnh giảm :			
+ LN chuyển từ các công ty con	-	99.387.594.148	99.387.594.148
+ Cổ tức nhận được	-	74.735.785	74.735.785
Các khoản điều chỉnh tăng :			
+ Chi phí trích trước	102.245.098	-	102.245.098
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	19.298.005	19.298.005
+ Chi phí không hợp lệ	-	4.707.804.172	4.707.804.172
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>731.346.037</b>	<b>(34.050.684.578)</b>	<b>(33.319.338.541)</b>
Thuế phải nộp theo thuế suất 25%	182.836.509	-	182.836.509
Giảm thuế phải nộp ứng với phần giảm của doanh thu chưa thực hiện	(197.050.255)	-	(197.050.255)
Thuế TNDN năm 2009 trở về trước bị truy thu theo Biên bản ngày 14/01/2011	-	3.866.124.067	3.866.124.067
<b>Thuế phải nộp năm 2011</b>	<b>-</b>	<b>3.866.124.067</b>	<b>3.866.124.067</b>

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Trích trước cho khu dân cư Long Kim 2 ứng với phần phát sinh trong giá vốn	102.245.098	25%	(25.561.275)
<b>Tổng cộng</b>			<b>(25.561.275)</b>

**6.11. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	100.829.512.974	40.921.404.787
Chi phí nhân viên	6.014.655.880	7.839.998.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	148.205.684	1.727.220.050
Chi phí khấu hao	3.710.604.897	3.887.999.781
Thuế, phí và lệ phí	348.910.895	440.493.431
Chi phí DV mua ngoài	14.317.830.209	9.439.998.910
Chi phí bằng tiền khác	9.020.892.763	7.257.319.888
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.390.613.302</b>	<b>71.514.434.924</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các công ty con và các bên liên quan như sau – xem mục 5.2 :

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản Hoàng Long	298.763.105.968	106.828.606.607
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	8.561.179.456	7.406.677.456
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng	22.972.702.184	3.754.645.793
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	150.682.457	102.000.000
Công ty CP Hoàng Long Me Kong	695.742.776	
Công ty CP Thanh Mỹ	1.814.747.000	-
Công ty CR Thanh Thy	542.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>333.500.159.841</b>	<b>118.091.929.856</b>

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả cho các công ty con và công ty liên kết như sau – xem mục 5.19 :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền mượn từ ông Phạm Phúc Toại	504.597.500	5.470.359.000
Công ty TNHH MTV vận tải và khai thác khoáng sản Hoàng Long	32.755.637.021	24.071.837.613
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	22.095.965.736	9.857.202.924
Công ty TNHH MTV công nghệ và thương mại Hoàng Long	14.972.086.435	6.237.763.297
Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy	19.475.443.935	24.557.443.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.803.730.627</b>	<b>70.194.606.769</b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng từ các công ty con	11.190.059.844	9.066.851.960
Thanh toán tiền mua hàng cho công ty con	10.986.283.451	1.000.000.000
Bán hàng cho các công ty con	97.276.598.963	25.245.832.167
Thu tiền bán hàng từ công ty con	95.575.325.361	24.444.765.820
Thu nhập do lợi nhuận chuyển về từ các công ty con	99.387.594.148	54.045.196.566
Mượn tiền từ các công ty con	80.085.746.737	218.945.932.000
Chi trả tiền đã mượn từ các công ty con	53.031.455.432	232.071.081.015
Trả lãi cho các công ty con	1.330.854.801	809.036.298
Mượn tiền từ Ông Phạm Phúc Toại	3.050.000.000	53.737.811.580
Chi trả tiền đã mượn từ Ông Phạm Phúc Toại	8.015.761.500	48.267.452.580

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho các công ty con vay tiền	104.405.112.273	127.747.936.795
Cho ông Phạm Phúc Toại vay tiền	-	12.174.175.734
Chi tạm ứng cổ tức	-	12.600.000.000
Thu lãi vay và lãi trả chậm của công ty con	38.666.392.432	10.158.303.992
Thu tiền đã cho công ty con vay	540.856.885.150	35.060.834.180
Thu lại tiền cho Ông Phạm Phúc Toại vay	-	13.618.366.734
Thu lại tiền tạm ứng cổ tức	-	23.732.700.000
Trả tiền vay cho Công ty Thanh Thy	5.082.000.000	6.006.000.000
Lãi vay trả cho Thanh Thy	3.859.488.277	3.979.157.822

▪ Công ty có vay từ công ty liên kết – Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy theo kế ước vay ngày 02/03/2008 để bổ sung vốn lưu động với số tiền là 27.791.443.935 đồng. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường.

▪ Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm là:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	2.210.555.315	1.375.389.456

### 8. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.282.687.395	1.284.540.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.288.556.886	45.225.501.072
Đầu tư dài hạn khác	1.875.000.000	964.747.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.446.244.281</b>	<b>47.474.788.608</b>

### Công nợ tài chính

Các khoản vay	345.464.448.057	175.236.688.151
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	35.524.084.874	55.362.016.346

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí phải trả	22.262.435.030	18.934.840.725
Phải trả dài hạn khác	656.898.000	656.898.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>403.907.865.961</b>	<b>250.190.443.222</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### ▪ Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đô la Mỹ (USD)	14.747.668,91	9.256.110,72	99.934,98	3.574,30
Euro (EUR)	-	-		

### ▪ Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### ▪ Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	14.715.135.187	-	14.715.135.187
Chi phí phải trả	3.748.644.523	18.513.790.507	22.262.435.030
Các khoản vay	366.273.397.744	-	366.273.397.744
Phải trả dài hạn khác	-	656.898.000	656.898.000
<b>Cộng</b>	<b>384.737.177.454</b>	<b>19.170.688.507</b>	<b>403.907.865.961</b>

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	14.291.757.911	-	14.291.757.911
Chi phí phải trả	421.050.218	18.513.790.507	18.934.840.725
Các khoản vay	202.480.514.715	13.826.431.871	216.306.946.586
Phải trả dài hạn khác	-	656.898.000	656.898.000
<b>Cộng</b>	<b>217.193.322.844</b>	<b>32.997.120.378</b>	<b>250.190.443.222</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.631.731.398	30.656.825.488	39.288.556.886
<b>Cộng</b>	<b>8.631.731.398</b>	<b>30.656.825.488</b>	<b>39.288.556.886</b>

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.879.293.752	36.346.207.320	45.225.501.072
<b>Cộng</b>	<b>8.879.293.752</b>	<b>36.346.207.320</b>	<b>45.225.501.072</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

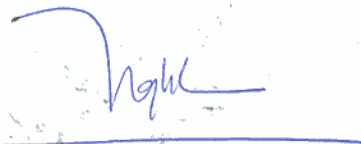
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 07 tháng 01 năm 2012.

Long An, ngày 07 tháng 01 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN THỊ TRÚC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

